

Số: 09/2018/QĐST- KDTM

M, ngày 08 tháng 10 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 9 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 09 /2018/TLST- KDTM ngày 20 tháng 8 năm 2018;

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

**\* Nguyên đơn:** Ngân hàng T

Địa chỉ: 170 H, phường Đ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K - Chủ tịch HĐQT

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Q

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền lại: Bà Vũ Thị T

Chức vụ: Chuyên viên giám sát tín dụng - Ngân hàng T chi nhánh Hưng Yên

**\* Bị đơn:** - Anh Nguyễn Lưu P; Sinh năm: 1977

- Chị Vũ Thị M, sinh năm 1978

Đều có địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**\* Ngân hàng T và anh Nguyễn Lưu P, chị Vũ Thị M xác định tính đến ngày 28/9/2018 anh Nguyễn Lưu P và chị Vũ Thị M còn nợ Ngân hàng T theo Hợp đồng tín dụng số 164/13/TD/XVI ngày 14/11/2013; Hợp đồng tín dụng số 167/17/TD/XVI ngày 04/7/2017, tổng cộng số tiền 497.995.445 đồng. Trong đó:**

**- Hợp đồng tín dụng số 164/13/TD/XVI ngày 14/11/2013 tổng cộng là**

33.642.958 đồng, cụ thể:

+ Nợ gốc 32.180.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn 959.826 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn 503.132 đồng

- Hợp đồng tín dụng số 167/17/TD/XVI ngày 04/7/2017 tổng cộng là 464.352.487 đồng, cụ thể:

+ Nợ gốc 448.000.000 đồng;

+ Nợ lãi trong hạn 15.927.526 đồng;

+ Nợ lãi quá hạn 424.961 đồng

Kể từ ngày 29/9/2018 anh Nguyễn Lưu P và chị Vũ Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ gốc cho ngân hàng theo lãi suất do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 164/13/TD/XVI ngày 14/11/2013 và Hợp đồng tín dụng số 167/17/TD/XVI ngày 04/7/2017.

- Phương án và kỳ hạn trả nợ cụ thể như sau:

+ Kể từ ngày 29/9/2018 đến ngày 14/11/2018, anh Nguyễn Lưu P và chị Vũ Thị M phải trả Ngân hàng T tổng số tiền 83.000.000 đồng.

+ Kể từ ngày 15/11/2018 đến ngày 04/7/2025 anh P, chị M trả cho Ngân hàng T số tiền nợ gốc, nợ lãi và theo lịch trả nợ quy định tại Hợp đồng tín dụng số 167/17/TD/XVI ngày 04/7/2017.

Thời gian trả nợ nếu trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ thì thời gian trả nợ sẽ được tính vào ngày làm việc tiếp theo.

- Trường hợp anh Nguyễn Lưu P và chị Vũ Thị M vi phạm bất kỳ một kỳ hạn trả nợ như đã thỏa thuận, Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 164/13/TD/XVI ngày 14/11/2013 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01.167/17/PLTC/XVI ngày 04/7/2017 là quyền sử dụng đất, nhà ở, mái tôn và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa 388, tờ bản đồ số 19, diện tích 240m<sup>2</sup> tại địa chỉ: thôn N, xã N, huyện M, tỉnh Hưng Yên của anh Nguyễn Lưu P và chị Vũ Thị M để thu hồi toàn bộ số nợ gốc, lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho ngân hàng.

- Trong trường hợp tài sản thế chấp không đủ bảo đảm thanh toán cho nghĩa vụ của khoản vay, thì anh P, chị M phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng T cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

\* **Án phí:** Anh Nguyễn Lưu P và chị Vũ Thị M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 11.960.000 đồng (Mười một triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

Trả lại Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí 11.761.000 đồng (Mười một triệu, bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số

013326 ngày 20/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Hưng Yên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- *Đương sự.*
- *VKSND huyện M*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

***Thẩm phán***

Hoàng Tuấn Trọng